

Số: 374 /TB-CTSV

Cần Thơ, ngày 07 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc xét cấp học bổng sinh viên

Kính gửi: Thủ trưởng các đơn vị trong Trường

Theo thông tin nhận được từ Quỹ Y tế, Giáo dục và Văn hóa Việt Nam (VNHELP) về việc cấp học bổng Nguyễn Trường Tộ cho sinh viên năm học 2025 - 2026; Phòng Công tác Sinh viên xin thông báo Thủ trưởng các đơn vị trong Trường như sau:

I. Sinh viên được xét tiếp tục nhận học bổng: có danh sách kèm theo.

II. Dự tuyển học bổng Cấp mới:

1. Đối tượng xét cấp học bổng:

- Tân sinh viên khóa 51, trúng tuyển năm 2025 của Trường Đại học Cần Thơ;
- Có hoàn cảnh khó khăn, rất cần sự giúp đỡ để hoàn thành việc học tại Trường

2. Số lượng và giá trị học bổng xét cấp mới năm 2025:

- Số lượng xét bổ sung: **20** suất;
- Mỗi suất học bổng trị giá tương đương **5.000.000** đồng (Năm triệu đồng);

Đây là học bổng thường niên, nếu có kết quả học tập của sinh viên bằng hoặc tốt hơn năm trước sẽ tiếp tục được xem xét để nhận học bổng.

3. Hồ sơ xin cấp học bổng:

- Đơn xin dự tuyển học bổng (theo mẫu, đánh máy, khổ giấy A4);
- Photo Sổ Hộ nghèo, cận nghèo hoặc Giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn;
- Giấy báo nhập học (photo, không cần công chứng);

Lưu ý: (1) Tất cả các loại giấy tờ trên được tập hợp để vào trong túi đựng hồ sơ, bên ngoài ghi rõ: **“HỌC BỔNG NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - VNHELP 2025”**; (2) Sinh viên điền đơn hướng dẫn cụ thể theo mẫu đính kèm và gửi về email hocbong@vnhelp.org

4. Thời gian và đại điểm nộp hồ sơ:

Tân Sinh viên có nhu cầu xét cấp học bổng hoàn chỉnh hồ sơ, nộp trực tiếp tại Phòng Công tác Sinh viên **trước ngày 20/10/2025 (Thứ Hai)**; đồng thời nộp hồ sơ dự tuyển trực tuyến qua địa chỉ <https://forms.gle/bGYrBDpHsrMMexbc9>

Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị quan tâm triển khai cho sinh viên được biết và thực hiện theo tinh thần Thông báo này.

Trân trọng kính chào./.

TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- VP.Đoàn trường;
- Lưu: CTSV.

Nguyễn Thanh Tường

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC XÉT TÁI CẤP
CHƯƠNG TRÌNH HỌC BỔNG NGUYỄN TRƯỜNG TỌ**

Do Quỹ Y tế, Giáo dục và Văn hóa Việt Nam tài trợ

Năm học 2025 – 2026

*(Kèm theo Thông báo số 374 /TB-CTSV, ngày 07/10/2025
của Phòng Công tác Sinh viên)*

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành - Khóa	Lớp	Đơn vị
1.	B2302549	Võ Thị Anh Thư	Công nghệ sinh học - K49	DA2366A2	Viện CNSH & TP
2.	B2305814	Phan Huỳnh Anh	Công nghệ sau thu hoạch - K49	DA23U5A1	
3.	B2305820	Trần Lê Ngọc Hân	Công nghệ sau thu hoạch - K49	DA23U5A1	
4.	B2400314	Nguyễn Thị Hải Yến	Công nghệ thực phẩm - K50	DA2408A4	
5.	B2403342	Nguyễn Thảo Ngọc	Công nghệ sinh học - K50	DA2466A3	
6.	B2107370	Võ Phúc Chương	Công nghệ thực phẩm - K47	NN2108A1	
7.	B2200212	Võ Văn Trọng	Công nghệ thực phẩm - K48	NN2208A2	
8.	B2205218	Nguyễn Thị Ngọc Ước	Công nghệ sau thu hoạch - K48	NN22U5A1	
9.	B2203642	Trần Huỳnh Trâm	Truyền thông đa phương tiện - K48	DI22D1A1	Trường CNTT & TT
10.	B2303824	Trương Tuấn Kiệt	Kỹ thuật phần mềm - K49	DI2396A1	
11.	B2306613	Lâm Thành Đô	Kỹ thuật phần mềm - K49	DI2396A1	
12.	B2306524	Mai Vũ Duy	Khoa học máy tính - K49	DI23Z6A1	
13.	B2405383	La Kim Anh	Truyền thông đa phương tiện - K50	DI24D1A1	
14.	B2306649	Nguyễn Văn Ty	Công nghệ thông tin - K49	HG23V7A1	
15.	B2205443	Nguyễn Hoàng Huy	Ngôn ngữ Anh - K48	FL22V1A1	Khoa Ngoại ngữ
16.	B2205412	Sơn Thị Bé Nguyên	Ngôn ngữ Anh - K48	FL22Z8A1	
17.	B2205452	Thái Thị Xuân Mai	Ngôn ngữ Anh - K48	FL22Z8A1	
18.	B2307604	Quách Thị Như Ái	Sư phạm Tiếng Pháp - K49	FL23X2A1	
19.	B2308425	Phạm Thảo My	Ngôn ngữ Pháp - K49	FL23Z9A1	
20.	B2408377	Huỳnh Lê Trà Giang	Ngôn ngữ Anh - K50	HG24V1A1	
21.	B2302779	Nguyễn Thị Nhi	Hóa học - K49	KH2369A1	Khoa KHTN
22.	B2304987	Nguyễn Thị Thúy An	Hóa dược - K49	KH23T3A2	
23.	B2305663	Ngô Nguyễn Bảo Trân	Vật lý kỹ thuật - K49	KH23U1A1	
24.	B2201123	Thái Thị Kiều Tiên	Quản trị kinh doanh - K48	HG2222A1	Trường Kinh tế
25.	B2206378	Trần Tú Như	Kinh doanh thương mại - K48	KT22W3A1	
26.	B2303654	Nguyễn Thúy Hằng	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên - K49	KT2390A2	
27.	B2306821	Nguyễn Thị Thúy Lan	Kinh tế - K49	KT23W1A1	
28.	B2307054	Nguyễn Văn Quân	Kinh doanh thương mại - K49	KT23W3A1	
29.	B2401602	Huỳnh Ngọc Trinh	Quản trị kinh doanh - K50	KT2422A1	
30.	B2402873	Lê Thị Cẩm Tiên	Marketing - K50	KT2445A2	
31.	B2409227	Huỳnh Thị Yến Như	Kinh tế - K50	KT24W1A1	
32.	B2409498	Trần Lâm Mai Thảo	Kinh doanh thương mại - K50	KT24W3A1	
33.	B2409551	Nguyễn Hoàng Thái	Kinh doanh thương mại - K50	KT24W3A2	
34.	B2403059	Trần Quốc Cường	Luật - K50	HG2463A1	Khoa Luật
35.	B2403031	Trần Lê Bảo Nhi	Kỹ thuật môi trường - K50	MT2457A1	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành - Khóa	Lớp	Đơn vị
36.	B2405653	Nguyễn Kim Hoàng Anh	Kỹ thuật cấp thoát nước - K50	MT24D4A1	Khoa MT & TNTN
37.	B2204010	Huỳnh Ngọc Trinh	Chăn nuôi - K48	NN22S1A1	Trường Nông nghiệp
38.	B2207241	Đoàn Đặng Minh Thư	Khoa học cây trồng - K48	NN22X8A1	
39.	B2302729	Lương Đức Tấn	Thú y - K49	NN2367A2	
40.	B2303095	Nguyễn Trung Tính	Bảo vệ thực vật - K49	NN2373A3	
41.	B2308113	Nguyễn Phạm Mỹ Quyên	Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan - K49	NN23X9A1	
42.	B2403659	Dương Ngô Quỳnh Anh	Thú y - K50	NN2467A3	
43.	B2403937	Đồng Văn Mẫn	Bảo vệ thực vật - K50	NN2473A1	
44.	B2200300	Lê Thị Ngọc Yến	Sư phạm Hóa học - K48	SP2209A1	Trường Sư phạm
45.	B2206936	Nguyễn Tuyết Hoa	Giáo dục Tiểu học - K48	SP22X3A1	
46.	B2206980	Lê Gia Hưng	Giáo dục Tiểu học - K48	SP22X3A2	
47.	B2207005	Huỳnh Ngọc Trâm	Giáo dục Tiểu học - K48	SP22X3A2	
48.	B2300010	Ngô Thị Như Nguyễn	Sư phạm Toán học - K49	SP2301A1	
49.	B2300027	Hồ Thiện Trung	Sư phạm Toán học - K49	SP2301A1	
50.	B2300029	Lý Thanh Ương	Sư phạm Toán học - K49	SP2301A1	
51.	B2300723	Nguyễn Hữu Anh Hào	Sư phạm Địa lý - K49	SP2316A1	
52.	B2400014	Hồ Thị Trúc Linh	Sư phạm Toán học - K50	SP2401A1	
53.	B2400973	Huỳnh Thị Bích Trâm	Sư phạm Địa lý - K50	SP2416A1	
54.	B2400998	Trương Quốc Khánh	Sư phạm Ngữ văn - K50	SP2417A1	
55.	B2405817	Mai Lan	Giáo dục Mầm non - K50	SP24E1A1	
56.	B2410021	Chau Sóc Pha	Giáo dục Tiểu học - K50	SP24X3A1	
57.	B2207090	Lê Thị Ngọc Quý	Giáo dục Thể chất - K48	TD22X6A1	Trường Bách khoa
58.	B2204246	Phan Thanh Khang	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - K48	TN22T1A1	
59.	B2204539	Phạm Minh Chiến	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - K48	TN22T6A1	
60.	B2204643	Phạm Duy Khánh	Kỹ thuật xây dựng - K48	TN22T7A1	
61.	B2207420	Lâm Thiện Phúc	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - K48	TN22Y8A1	
62.	B2404513	Nguyễn Trần Tấn Đạt	Quản lý công nghiệp - K50	TN2483A1	Trường Thủy sản
63.	B2300565	Lê Văn Trà	Nuôi trồng thủy sản - K49	TS2313A3	
64.	B2303129	Đỗ Thị Thúy Quyên	Bệnh học thủy sản - K49	TS2376A1	
65.	B2303391	Dương Triệu Phú	Công nghệ chế biến thủy sản - K49	TS2382A2	
66.	B2400654	Nguyễn Phát Tài	Nuôi trồng thủy sản - K50	TS2413A1	
67.	B2404436	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trân	Công nghệ chế biến thủy sản - K50	TS2482A2	Khoa KHCT, XH & NV
68.	B2206815	Võ Lâm Thị Anh Thư	Việt Nam học - K48	HG22W8A1	
69.	B2307474	Trang Hồng Duyên	Việt Nam học - K49	HG23W8A1	
70.	B2306795	Huỳnh Anh Tuấn	Chính trị học - K49	ML23V9A1	
71.	B2307722	Huỳnh Quốc Đạt	Giáo dục Công dân - K49	ML23X4A1	
72.	B2205112	Lâm Tú Quyên	Xã hội học - K48	XH22U4A1	
73.	B2206684	Lê Thị Thúy Vi	Văn học - K48	XH22W7A2	
74.	B2305748	Nguyễn Thị Bích Như	Xã hội học - K49	XH23U4A1	
75.	B2307347	Phan Thị Ngọc Kiều	Văn học - K49	XH23W7A2	
76.	B2405959	Nguyễn Lâm Quang Vinh	Du lịch - K50	XH24N2A1	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Ngành - Khóa	Lớp	Đơn vị
77.	B2407826	Phan Đăng Khoa	Xã hội học - K50	XH24U4A1	
78.	B2407851	Nguyễn Hoàng Bảo Nhi	Xã hội học - K50	XH24U4A1	
79.	B2407882	Đỗ Thị Kiều Vy	Xã hội học - K50	XH24U4A1	
80.	B2409835	Trần Thị Huỳnh Như	Văn học - K50	XH24W7A1	

Tổng số theo danh sách có **80** sinh viên./.